

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN C
TỈNH TRÀ VINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 46/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 14/10/2021

“V/v Ly hôn và tranh chấp nuôi
con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN C, TỈNH TRÀ VINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Trang

Các hội thẩm nhân dân:

1. Bà Lê Thị Cảnh

2. Ông Nguyễn Văn Thắng

- Thư ký phiên tòa: Ông Đinh Văn Dư, Thư ký Tòa án nhân dân huyện C.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện C tham gia phiên tòa: Ông Huỳnh Thanh Huân – Kiểm sát viên.

Trong ngày 14 tháng 10 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Trà Vinh mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 95/2021/TLST-HNGĐ, ngày 09 tháng 3 năm 2021 về việc “Ly hôn và tranh chấp nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 154/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 14 tháng 9 năm 2021, Quyết định hoãn phiên tòa số: 40/2021/QĐST-HNGĐ ngày 29 tháng 9 năm 2021 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Trần Ngọc Y, sinh năm 1981 (Có đơn yêu cầu vắng mặt)

Nơi cư trú: Ấp A, xã A, huyện C, tỉnh Trà Vinh.

- *Bị đơn:* Anh Nguyễn Thành H, sinh năm 1980 (Vắng mặt)

Nơi cư trú: Ấp B, xã A, huyện C, tỉnh Trà Vinh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai khai và tại phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải ngày 06/7/2021 chị Trần Ngọc Y có lời trình bày như sau: Chị và anh Nguyễn Thành H do tự quen biết tìm hiểu nhau khoảng 01 năm quyết định tiến đến hôn nhân được gia đình hai bên chấp thuận và tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán vào năm 2006; có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã A, huyện C, tỉnh Trà Vinh cùng năm 2006. Sau khi cưới, anh H về sống chung bên gia đình chị tại Ấp A, xã A, huyện C, tỉnh Trà Vinh. Cuộc sống vợ chồng hạnh phúc đến

năm 2013 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng ý kiến, anh H không lo làm ăn, không quan tâm chăm sóc vợ con mà thường xuyên tụ tập bạn bè không tốt dẫn đến vi phạm pháp luật nhiều lần, chị khuyên ngăn nhưng anh H không thay đổi và từ cuối năm 2020 anh H đã bỏ về nhà cha mẹ ruột sống tại Ấp B, xã An Trường, huyện C, tỉnh Trà Vinh và vợ chồng đã ly thân cho đến nay không hàn gắn được.

Nay chị Y nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị yêu cầu được ly hôn với anh Nguyễn Thành H.

Về con chung: Quá trình chung sống hạnh phúc chị và anh H có một người con chung là Nguyễn Thành P, sinh ngày 13/4/2007 hiện cháu sống chung với chị. Khi ly hôn, việc nuôi con, chị yêu cầu giải quyết theo nguyện vọng của con. Nếu cháu P có nguyện vọng sống chung với chị thì chị đồng ý nuôi dưỡng; nếu cháu P có nguyện vọng sống chung với anh H thì chị đồng ý giao con cho anh H nuôi dưỡng. Vấn đề cấp dưỡng nuôi con chị chưa đặt ra giải quyết.

Về tài sản chung: Chị không tranh chấp nên không đặt ra yêu cầu Tòa giải quyết.

Về nợ chung: Quá trình chung sống, chị và anh H không có thiếu nợ ai và cũng không ai thiếu nợ vợ chồng nên không yêu cầu Tòa giải quyết.

Anh Nguyễn Thành H đã được tổng đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án, Thông báo đến Tòa án cung cấp lời khai và tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Thông báo về việc giao nộp tài liệu, chứng cứ nhiều lần nhưng anh H vẫn không đến Tòa án và cũng không giao nộp tài liệu, chứng cứ gì cho Tòa án. Vì vậy không có lời khai của anh H.

Ý kiến của Vị đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện C:

Về tố tụng: Thẩm phán tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng đầy đủ theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự, trình tự khi thụ lý vụ án, việc giao nhận thông báo thụ lý cho Viện kiểm sát, đã thu thập chứng cứ đầy đủ, thời hạn chuẩn bị xét xử đúng quy định. Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa đã tuân theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Đối với đương sự, nguyên đơn chị Trần Ngọc Y chấp hành nghiêm quyền, nghĩa vụ tố tụng. Bị đơn anh Nguyễn Thành H chưa thực hiện nghiêm quyền và nghĩa vụ của mình, không có mặt tham gia các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải mặc dù Tòa án thông báo hợp lệ. Tại phiên tòa, anh H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Vì vậy, căn cứ Điều 227 và Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, đề nghị Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án theo quy định.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ các Điều 19, 51, 54, 56, 58, 81, 82, 83, và Điều 84 của Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội. Chấp nhận đơn khởi kiện xin ly hôn của chị Y. Cho chị Y được ly hôn với anh H. Về con chung: Chị Y được quyền nuôi dưỡng cháu Nguyễn Thành P, sinh ngày 13/4/2007. Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Về cấp dưỡng nuôi con chị Y chưa yêu cầu anh H phải cấp dưỡng nuôi con nên không xét. Về tài sản

chung chị Y chưa yêu cầu nên không xét. Về nợ chung chị Y khai không có nên không xét; Về án phí buộc chị Y phải chịu án phí sơ thẩm theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của người tham gia tố tụng, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. *Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết*: Chị Trần Ngọc Y khởi kiện yêu cầu được ly hôn và giải quyết việc nuôi con chung với anh Nguyễn Thành H có nơi cư trú tại ấp B, xã A, huyện C, tỉnh Trà Vinh. Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a, khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự xác định đây là vụ án “*Ly hôn và tranh chấp nuôi con*” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Trà Vinh.

[2]. *Về thủ tục tố tụng*: Chị Trần Ngọc Y và anh Nguyễn Thành H đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 154/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 14 tháng 9 năm 2021, Quyết định hoãn phiên tòa số: 40/2021/QĐST-HNGĐ ngày 29 tháng 9 năm 2021 và Giấy triệu tập đương sự. Tại phiên tòa, chị Y vắng mặt và có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt chị; anh H vẫn vắng mặt không có lý do. Do đó, căn cứ Điều 227 và Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án tiến hành xét xử vụ án theo quy định.

[3]. *Về hôn nhân*: Chị Trần Ngọc Y và anh Nguyễn Thành H tự nguyện kết hôn vào năm 2006, hôn nhân của chị Y và anh H được gia đình hai bên tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã A, huyện C, tỉnh Trà Vinh cấp giấy chứng nhận kết hôn số: 33 ngày 14 tháng 02 năm 2006. Do đó, theo quy định tại Điều 8, Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 xác định hôn nhân của chị Y và anh H là hợp pháp.

Sau khi kết hôn, chị Y và anh H sống chung tại Ấp A, xã A, huyện C, tỉnh Trà Vinh. Cuộc sống vợ chồng chị Y và anh H hạnh phúc đến năm 2013 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, anh H không lo làm ăn, thường xuyên qua lại với những người bạn không tốt, dẫn đến vi phạm pháp luật, chị Y nhiều lần cho anh H cơ hội để sửa đổi nhưng anh H không sửa đổi mà ngày càng phát sinh thêm. Đến cuối năm 2020, anh H bỏ về nhà cha mẹ ruột anh sống tại Ấp B, xã A, huyện C, tỉnh Trà Vinh dẫn đến tình cảm vợ chồng dần phai nhạt, không còn quan tâm đến nhau, chị Y và anh H sống ly thân từ cuối năm 2020 cho đến nay. Vì vậy chị Y yêu cầu được ly hôn với anh H.

Xét thấy, mâu thuẫn tình cảm giữa chị Y và anh H đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nữa. Bởi lẽ, theo quy định tại Điều 19 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định “*Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình*”. Tuy nhiên, khi mâu

thuần xảy ra chị Y và anh H không tìm giải pháp khắc phục mà ly thân mỗi người sống một nơi không còn quan tâm gì đến nhau. Hơn nữa, qua kết quả xác minh, đại diện chính quyền địa phương cung cấp, anh H từng bị Tòa án xét xử về tội tàng trữ trái phép chất ma túy, sau khi chấp hành xong hình phạt tù trở về địa phương lại thường xuyên qua lại với những đối tượng xấu không lo làm ăn, chăm sóc gia đình. Do anh H cố tình không đến Tòa án để tham gia tố tụng nên Tòa án không tiến hành hòa giải được. Vì vậy, căn cứ Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 Tòa xử cho chị Trần Ngọc Y được ly hôn anh Nguyễn Thành H là phù hợp.

[4]. *Về con chung*: Quá trình chung sống hạnh phúc, chị Yển và anh H có một người con chung là Nguyễn Thành P, sinh ngày 13/4/2007. Hiện nay cháu P đang sống chung với chị Y. Quá trình làm việc tại Tòa án, cháu Nguyễn Thành P có nguyện vọng được tiếp tục sống chung với chị Y sau khi chị Yển và anh H ly hôn. Chị Y cũng thống nhất nuôi con. Xét nguyện vọng của cháu P là phù hợp với quy định của pháp luật và thực tế cuộc sống. Bởi vì, từ khi chị Y và anh H ly thân, chị Y trực tiếp nuôi dưỡng con chung, đã cho con được sống trong môi trường thuận lợi nhất cho sự phát triển của con về thể chất lẫn tinh thần, thể hiện cháu Phát đã hoàn thành chương trình lớp 8 và tiếp tục chương trình lớp 9. Do đó, Tòa chấp nhận cho chị Y được quyền tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung là phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được quyền cản trở. Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con. Vì lợi ích của con khi cần thiết và có yêu cầu của các bên Tòa án có thể thay đổi người trực tiếp nuôi con.

[5]. *Về cấp dưỡng nuôi con*: Chị Y chưa đặt yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con nên Tòa không xem xét.

[6]. *Về tài sản chung*: Chị Y không đặt ra yêu cầu giải quyết nên Tòa không xét.

[7]. *Về nợ chung*: Chị Y khai không có, Tòa không xét.

[8]. *Về án phí*: Chị Y là nguyên đơn khởi kiện không thuộc trường hợp được miễn, giảm án phí nên phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm theo quy định tại Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227, 228 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Các Điều 19, 51, 53, 56, 81, 82, 83

và Điều 84 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 17 Luật phí và lệ phí; Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận đơn khởi kiện xin ly hôn của chị Trần Ngọc Y.

Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Ngọc Y được ly hôn anh Nguyễn Thành H.

Về con chung: Chị Trần Ngọc Y được quyền trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung là Nguyễn Thành P, sinh ngày 13/4/2007.

Anh H có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được quyền cản trở. Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con. Khi cần thiết anh H có quyền xin thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị Y chưa đặt ra yêu cầu giải quyết nên Tòa không xét.

Về tài sản chung: Chị Y không đặt ra yêu cầu giải quyết, Tòa không xét.

Về nợ chung: Chị Y khai không có, Tòa không xét.

Về án phí: Chị Trần Ngọc Y phải chịu 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí hôn nhân sơ thẩm nhưng được căn trừ vào 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0004189 ngày 03 tháng 3 năm 2021 do Chi cục Thi hành án dân sự huyện C thu, chị Y đã nộp đủ tiền án phí.

Về quyền kháng cáo: Chị Y, anh H vắng mặt tại Tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh;
- VKSND huyện, tỉnh;
- CCTHADS huyện;
- UBND xã A;
- Các đương sự;
- Lưu HSVA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa
Đã ký

Nguyễn Thị Trang

